

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày 18 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2019/TLST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát Đ; địa chỉ trụ sở: Khu đô thị BD, ấp BD, xã LVL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê M, sinh năm 1974 là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông Minh: Anh Trần Hoàng T, sinh năm 1986 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/4/2019); cư trú tại: Số 26, đường A2, khu đô thị HT, ấp BD, xã LVL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1983 – Chủ cửa hàng tạp hóa Kim H; cư trú tại: K 4, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1982; cư trú tại: K 4, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của chị H (văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Phát Đạt anh Trần Hoàng T trình bày: Vào ngày 23/02/2019, anh Trần Hoàng T là nhân viên của Công ty TNHH Phát Đạt có chốt nợ với chị Kim H và số tiền nợ là 57.116.000đ. Ngày 27/02/2019, công ty có giao thêm cho chị H 02 toa hàng với số tiền 9.342.000đ. Đến thứ 4 ngày 06/3/2019, công ty tiếp tục giao thêm cho chị H 02 toa hàng với số tiền 2.814.000đ. Thứ 4 ngày 13/3/2019, công ty giao thêm cho chị H 01 toa hàng với số tiền 816.000đ. Tổng cộng số nợ của chị H là 70.089.000đ.

Chị H có trả cho công ty các lần với số tiền là: Thứ 6 ngày 01/3/2019, chị H có gửi cho anh V (nhận giùm) tại cửa hàng tạp hóa Kim H số tiền 20.000.000đ; thứ 2 ngày 11/3/2019, chị H có gửi cho chành xe N số tiền 20.000.000đ do anh Ngọc N1 ra nhận tiền (nhận giùm). Số tiền chị H còn nợ lại là 30.089.000đ. Khi anh T nhân viên công ty liên hệ chị H để lấy tiền còn nợ thì chị H cho rằng đã gửi tiệm vàng Kim M1 số tiền 30.000.000đ để trả công ty, nhưng không thông báo công ty cử nhân viên ra nhận tiền. Sau đó, anh T trực tiếp đến tiệm vàng Kim M1 hỏi thì chị H không có gửi tiền. Anh T trực tiếp xuống gặp chị H thì chị H nói “Tôi quên, tôi không có gửi cho Kim M1, mà tôi gửi cho tiếp thị”. Nhưng chị H không nhớ tên tiếp thị do chị gửi tiền, mà chị H còn nói “Tôi gửi tiền rồi không nhận được thì mất ráng chịu”.

Nay công ty thấy việc làm và lời nói của chị H là vô lý. Bởi vì các lần gửi tiền trước đây thì chị H đều điện báo và ai nhận tiền thì có ký nhận. Còn đối với số tiền 30.000.000đ thì chị H không có điện báo hay không có giấy tờ thể hiện ai nhận khoản tiền đó. Do đó, công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H trả cho Công ty TNHH Phát Đạt số tiền 30.089.000đ.

Chị Nguyễn Kim H trình bày: Chị là chủ cửa hàng tạp hóa Kim H, có Giấy phép đăng ký kinh doanh do chị đứng tên. Việc mua bán giữa chị và Công ty Phát Đạt diễn ra trong thời gian dài. Trước đây, các lần thanh toán tiền thì chị gửi tiền cho tiếp thị, chành xe hoặc tiệm vàng Kim M1, khi gửi tiền thì chị điện báo cho anh T. Các lần giao hàng cho chị trước đây không có ký nhận, nay công ty cho rằng phải có ký nhận là không hợp lý. Sau khi nhận hàng thì anh T xuống kết toa với chị. Giữa chị và công ty có thỏa thuận, chị thanh toán được 50% tiền mua hàng thì phía công ty mới giao hàng tiếp cho chị. Chị có kết nợ với công ty số nợ là 91.570.000đ, sau đó chị có thanh toán cho công ty đến ngày 23/02/2019 thì hai bên kết nợ lại là 57.116.000đ. Sau ngày 23/02/2019, chị có tiếp tục lấy hàng của công ty thêm 05 toa hàng, nhưng phía công ty không xuống kết toa với chị. Chị đã thanh toán tiền hàng nhiều lần cho công ty, phía anh T chỉ gọi điện thoại báo cho chị, mà không trực tiếp xuống kết nợ với chị. Lần sau cùng anh T báo chị còn nợ 30.000.000đ thì chị xác định đã gửi cho anh Nguyễn Hoàng N đưa cho anh T. Như vậy, chị đã thanh toán tiền mua hàng cho công ty đầy đủ, hiện chị không còn nợ nên không đồng ý theo yêu cầu của công ty Phát Đạt.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh C giữ nguyên quan điểm như bị đơn trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát Đ, buộc bà Nguyễn Kim H trả cho công ty Phát Đạt 30.089.000đ.

Án phí dân sự chị Hương phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim H – Chủ cửa hàng tạp hóa Kim H trả số tiền 30.089.000đ là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo đại diện công ty xác định, vào các ngày 23/02/2019, 27/02/2019, 06/3/2019 và 13/3/2019 chị H – Chủ cửa hàng tạp hóa Kim H có mua hàng của Công ty TNHH Phát Đ với số tiền 70.089.000đ. Sau đó, ngày 01/3/2019 và 11/3/2019 chị H có trả tổng số tiền là 40.000.000đ, còn nợ lại 30.089.000đ chưa trả. Công ty có liên hệ đòi tiền nhiều lần thì chị H cho rằng chị có gửi trả số tiền 30.000.000đ cho Công ty TNHH Phát Đ. Tuy nhiên, sau khi Công ty TNHH Phát Đ kiểm tra tại tiệm vàng Kim M1 và sổ sách theo dõi thì không thể hiện việc chị H có trả số tiền 30.000.000đ như chị H trình bày. Trong quá trình giải quyết, chị H xác định do chị quên nên trước đây chị có trình bày số tiền 30.000.000đ gửi cho Kim M1 và gửi cho nhân viên tiếp thị không nhớ tên gì. Tại phiên hòa giải ngày 22/5/2019, chị H xác định khoản tiền nêu trên gửi cho anh Nguyễn Hoàng N (em ruột chị H) để đưa cho anh T. Anh T thừa nhận có nhận khoản tiền 30.000.000đ từ anh N, nhưng khoản tiền đó là tiền thiếu trong tổng số nợ 91.570.000đ, chứ không phải khoản tiền trong tổng số nợ 70.089.000đ. Đối với số nợ được kết ngày 23/02/2019 với số tiền 57.116.000đ thì chị H thừa nhận. Sau đó, chị có lấy thêm từ công ty 05 toa hàng nhưng công ty không có xuống kết toa, nên chị không thừa nhận khoản nợ 70.089.000đ.

Xét thấy: Lời trình bày của chị H có sự mâu thuẫn, đó là lúc chị trình bày đã gửi khoản tiền tranh chấp cho Kim M1, lúc thì gửi cho nhân viên tiếp thị không nhớ tên, rồi sau cùng thì chốt lại số tiền đó đưa cho Nguyễn Hoàng N giao cho anh T. Đồng thời, sổ theo dõi do chị H cung cấp không khớp với sổ theo dõi công ty đã

phô tô từ chị H để khởi kiện tại Tòa án, mà giữa hai trang sổ do chị H cung cấp đã bị xé mất một trang ở chính giữa. Như vậy, tài liệu, chứng cứ của chị H không phải là tài liệu, chứng cứ gốc.

[3] Mặt khác, theo biên bản ghi lời khai của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi ngày 31/5/2019 đối với anh Nguyễn Hoàng N thể hiện “Từ trước đến nay anh cũng thường xuyên gửi tiền của chị H cho Công ty Phát Đ. Tuy nhiên, mỗi lần gửi tiền, anh còn gửi cho các chủ cửa hàng khác ở Đầm Dơi nên không thể nhớ được cụ thể các lần chị H gửi tiền nhờ anh chuyển cho Công ty Phát Đ. Các lần gửi tiền thì chị H đều điện trước cho công ty, khi đến nơi có anh T hoặc nhân viên công ty ra nhận tiền mà không có ký nhận. Từ khoảng ngày 23/02/2019 đến nay chị H cũng có vài lần gửi tiền nhưng anh không nhớ được thời gian gửi, số tiền gửi mỗi lần”. Như vậy, qua lời trình bày của anh N thì anh cũng không khẳng định được việc chị H có gửi số tiền 30.000.000đ trả Công ty Phát Đ như lời trình bày của chị H. Do đó, lời trình bày của chị H về việc có gửi anh N 30.000.000đ để trả cho Công ty Phát Đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Xét nội dung File ghi âm do chị H cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: File ghi âm do chị H cung cấp sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ngày 30/5/2019), nội dung file ghi âm là cuộc đối thoại giữa chị H và chị H1 – Kế toán Công ty Phát Đ, không phải nội dung đối thoại giữa chị H và anh T. Đồng thời, theo nội dung tường trình của chị H thì chị và chị H1 đối thoại về khoản tiền 30.000.000đ anh T đã nhận của anh N, không phải khoản tiền mà công ty Phát Đ khởi kiện chị H. Theo nội dung tại file ghi âm trùng với nội dung anh T thừa nhận là có nhận 30.000.000đ từ anh N ngày 23/02/2019 và đây là khoản tiền nợ chị H trả cho Công ty Phát Đ trong tổng số nợ 91.570.000đ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định sau khi kết nợ ngày 23/02/2019 với số tiền 57.116.000đ thì chị H có lấy thêm 05 toa hàng từ Công ty Phát Đ, tổng số nợ từ số tiền 57.116.000đ và 05 toa hàng là 70.089.000đ. Sau đó, Công ty Phát Đ thừa nhận chị H có trả 40.000.000đ, còn 30.089.000đ thì công ty không thừa nhận chị H đã thanh toán. Tuy nhiên, chị H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã thanh toán khoản tiền 30.089.000đ cho Công ty Phát Đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Phát Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 24; Điều 50 của Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát Đ.

1. Buộc chị Nguyễn Kim H – Chủ cửa hàng tạp hóa Kim H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát Đ số tiền 30.089.000 đồng (ba mươi triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng).

2. Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Kim H chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai số 0009279 ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Chị Nguyễn Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

